TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Quyết định giám đốc thẩm
số: 25/2017/DS-GĐT
Ngày 12-7-2017
V/v Tranh chấp quyền sở hữu
và đòi tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có: 14 (mười bốn) thành viên tham gia xét xử; do ông Nguyễn Hòa Bình - Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Dương - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao, mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "Tranh chấp quyền sở hữu và đòi tài sản" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Tấn T, sinh năm 1954; cư trú tại: Số 398 V, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Thị L, Văn phòng luật sư ML thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Hữu H, sinh năm 1970;

2. Ông Huỳnh Quốc D, sinh năm 1954;

Cùng cư trú tại: Số 245/20-22 (số hiện tại 245/20) Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn H, Văn phòng luật sư BA thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị T, sinh năm 1941;

2. Ông Trương Tấn P, sinh năm 1952;

Cùng cư trú tại: Số 245/24 Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Trương Tấn P là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06-11-2007).

3. Ông Trương Tấn T1, sinh năm 1958; cư trú tại: Số 611 North Alhambra Ave Apt J Monterey Park Ca 91755 USA.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Trương Tấn P và ông Trương Tấn T1 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28-4-2008).

4. Ông Huỳnh Hữu H, sinh năm 1955; cư trú tại: Số 442/3+5 SVH, Phường R, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1958;

6. Ông Huỳnh Vạn T2, sinh năm 1958;

Cùng cư trú tại: Số 165/53 CQ, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Huỳnh Thị Thu C, sinh năm 1959; cư trú tại: Số 575/56A CM, Phường Q, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Huỳnh Thị Thúy P, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 126 chung cư V, phường PTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Huỳnh Phúc T, sinh năm 1961; cư trú tại: Số 182/4/15 ĐT, phường COL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông Huỳnh Nhất L, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 245/3 V, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Huỳnh Thị Ánh H, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 245/20 Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1966; cư trú tại: Số 245/20 Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953;

14. Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1979;

15. Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1975;

Cùng cư trú tại: Số 245/20-22 Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Bà Cao Thị Thanh H, sinh năm 1967; cư trú tại: Số 41A LĐT, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Ông Cao Quang M, sinh năm 1954; cư trú tại: Số 11A/14 TK, TQ, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Bà Cao Thị Thanh L, sinh năm 1956; cư trú tại: Số 39/15 phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Ông Cao Quang L, sinh năm 1957; cư trú tại: Số 43B LĐT, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

20. Bà Cao Thị Thanh H, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 41C LĐT, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

21. Ông Cao Quang D, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 11/14 phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

22. Bà Cao Thị Thanh H1, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 11/14 TK, TQ, phường TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Chị Trương Thị Tuyết N, sinh ngày 15-11-1998; cư trú tại: Số 245/24 V, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của bà H, ông M, bà L, ông L, bà H, ông D và bà H1:* Ông Trương Tấn P là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04-5-2010 và ngày 06-5-2010).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11-9-2007 và quá trình tranh tụng, nguyên đơn là ông Trương Tấn T trình bày:

Cha của ông là cụ Trương Văn TR (chết năm 1979), sống chung với cụ Huỳnh Thị N (chết năm 1939) có 01 con chung là bà Trương Thị T2 (chết năm 1967). Cụ TR và cụ N có tạo lập được khối tài sản theo Bằng khoán điền thổ số 355 lập ngày 23-5-1939, trên đất có các căn nhà mang số 245/18-20-22-24 Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cụ N chết; năm 1940, cụ TR kết hôn với mẹ của ông là cụ Trần Thị H (chết năm 2005); cụ T và cụ H có 08 con chung là bà Trương Thị T, ông Trương Tấn T1 (chết năm 1968), ông Trương Tấn P, ông Trương Tấn T2 (chết năm 1998), ông Trương Tấn T3 (cư trú tại Mỹ), ông Trương Tấn T4 (chết năm 1984), ông Trương Tấn T5 (chết năm 2005) và ông.

Trước năm 1975, cụ TR và cụ H cho thuê các căn nhà nêu trên như sau: Cho ông Trần K thuê nhà đất số 245/18; cho ông Đàm Đ thuê nhà đất số 245/20; cho ông Huỳnh Văn N (cha của các bị đơn) thuê nhà đất số 245/22.

Năm 1976, ông Đ trả nhà; năm 1980, ông K trả nhà. Sau khi ông Đ trả nhà thì gia đình ông cho ông N thuê. Quá trình thuê nhà số 20 và số 22, ông N phá bức tường ngăn giữa hai nhà thành một căn nhà, nhưng vẫn mang hai số là 245/20-22 Bến CD. Năm 1978, ông N chỉ treo số nhà là 245/22 chung cho cả hai căn nhà. Năm 1978-1979, Ủy ban nhân dân Quận A đưa hai căn nhà mà ông N thuê vào diện Nhà nước quản lý theo chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa. Nhưng sau đó, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 1054/QĐ-UB ngày 12-11-1980 giải tỏa các căn nhà số 245/18 và 245/22 trả lại nhà đất cho cụ H và cho phép cụ H được tiếp tục cho thuê. Ông N biết được việc Ủy ban nhân dân Quận A trả nhà cho cụ H, nên lại treo số nhà chung cho cả hai căn nhà là số 245/20 Bến CD.

Theo tờ khai nhà đất năm 1999, ông N khai nhà số 245/20 và số nhà cũ 245/20-22 Bến CD là một căn nhà và cho rằng cụ H mẹ của ông đã bán hai căn

nhà cho ông N là gian dối. Nay ông yêu cầu ông N trả lại hai căn nhà thuê, đề nghị Tòa án công nhận quyền sở hữu hai căn nhà cho ông và các đồng thừa kế của cụ T, cụ H và các con của bà T1 được hưởng thừa kế. Yêu cầu ông N trả một căn nhà, còn một căn nhà để ông N sử dụng nhưng phải trả giá trị cho gia đình ông.

Bị đơn là ông Huỳnh Quốc D và ông Huỳnh Hữu H thống nhất trình bày:

Các ông thừa nhận cụ N có thuê nhà 245/20 Bến CD, phường CG, Quận A của cụ T và cụ H như ông T trình bày.

Nhà đất tranh chấp cha mẹ các ông đã mua của cụ H từ năm 1984, nên thuộc sở hữu của gia đình ông, các ông không đồng ý trả nhà cho gia đình ông T. Ông T muốn lấy lại nhà phải hoàn trả cho gia đình ông 100 lượng vàng.

Ngày 07-8-2008, ông H có đơn phản tố đề nghị công nhận nhà cho gia đình các ông theo Tờ nhượng nhà lập ngày 14-12-1984 giữa cụ H với cụ N. Các ông không yêu cầu hoàn trả giá trị phần xây dựng thêm và sửa chữa nhà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Tấn P đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn trình bày: Khi mẹ ông là cụ H còn sống thì mẹ ông và ông N có yêu cầu ông viết "Tờ nhượng nhà". Ông có viết tờ nhượng nhà, nhưng không biết cụ H và ông N thỏa thuận về nội dung gì. Tuy nhiên, về chiều ngang, chiều dài của căn nhà và số tiền chuyển nhượng trong Tờ nhượng nhà đều đã bị sửa chữa.

Khi viết Tờ nhượng nhà ông không sửa chữa và ghi chữ "Bà H đã nhận đủ số tiền 3 triệu đồng (3.000.000đ) giá bán căn nhà là số 20/22", phần viết thêm này không phải chữ của ông, nét chữ giống chữ viết trong Giấy chứng minh nhân dân của ông N. Sau khi viết Tờ nhượng nhà, ông và cụ H không nhận tiền của ông N; nếu nhận tiền thì ông và cụ H sẽ ký tên dưới số tiền đã nhận. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông D, ông H trả nhà cho gia đình ông.

Đối với tiền thuê nhà: Từ khi ông N biết nhà đất thuộc diện cải tạo xã hội chủ nghĩa, ông N không trả tiền thuê nhà.

2. Ông Huỳnh Hữu H đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu căn nhà số 245/20 Bến CD (số cũ là 245/20-22) là của gia đình ông, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1789/2012/DS-ST ngày 19-12-2012, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Xác định quyền sở hữu 02 căn nhà số 245/20-245/22, hiện mang số 245/20 Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trương Văn T, cụ Trần Thị H, bà Trương Thị T2 là các ông bà Trương Thị T, Trương Tấn P, Trương Tấn T, Trương Tấn T3, Trương Tấn T1, Trương Tấn T4, Trương Tấn

T5 và những người thừa kế thế vị của bà Trương Thị T2 là các ông bà Cao Quang M, Cao Thị Thanh L, Cao Quang L, Cao Thị Thanh H, Cao Quang Dũng, Cao Thị Thanh H1 và Cao Thị Thanh H.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hữu H, ông Huỳnh Quốc D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn có nguyện yêu cầu xác định căn nhà 245/20 Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Huỳnh Văn N.

3. Chấp nhận việc đòi nhà của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, buộc các ông bà Huỳnh Hữu H, Huỳnh Quốc D, Huỳnh Hữu H, Huỳnh Văn T2, Huỳnh Thị Kim C, Huỳnh Thị Thúy P, Huỳnh Phúc T, Huỳnh Nhất L, Huỳnh Thị Ánh H, Huỳnh Thị Thu H, Nguyễn Thị T, Huỳnh Thị Thu T có trách nhiệm hoàn trả căn nhà số 245/20 (số hiện tại) Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (diện tích nhà được thể hiện theo bản vẽ hiện trạng ngày 04-8-2008 của Công ty quản lý nhà Quận A) cho những người thừa kế của cụ Huỳnh Thị N, cụ Trương Văn T, cụ Trần Thị H, bà Trương Thị T2 gồm các ông bà Trương Thị T, Trương Tấn P, Trương Tấn T1, Trương Tấn T, Cao Thị Thanh H, Cao Quang M, Cao Thị Thanh L, Cao Quang L, Cao Thị Thanh H, Cao Quang Dũng, Cao Thị Thanh H1 thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông T, ông P.

4. Các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N, cụ T, cụ H và bà T2 được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để tiến hành đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở theo quy định.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21-12-2012, ông Huỳnh Quốc D và ông Huỳnh Hữu H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 379/2013/DS-PT ngày 16-12-2013 và Thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án dân sự phúc thẩm số 85/TB-TA ngày 27-02-2014, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định sửa Bản án dân sự sơ thẩm như sau:

Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Quốc D, ông Huỳnh Hữu H.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tấn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trương Thị T, Trương Tấn P, Trương Tấn T3, Trương Tấn T1, Trương Tấn T4, Trương Tấn T5, Cao Quang M, Cao Thị Thanh L, Cao Quang L, Cao Thanh H, Cao Quang Dũng, Cao Thị Thanh H1 và Cao Thị Thanh H là con của bà Trương Thị T2 và ông Cao Văn T về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu và đòi lại 02 căn nhà số 245/20-245/22 hiện mang số 245/20 Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chấp nhận yêu cầu của ông H, ông D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xác định quyền sở hữu 02 căn nhà số 245/20-245/22 hiện mang số 245/20 Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của những người thừa kế của cụ Huỳnh Văn N bao gồm: Ông Huỳnh Hữu H, ông Huỳnh Quốc D, ông Huỳnh Hữu H, ông Huỳnh Vạn T2, bà Huỳnh Thị Thu C, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thị Thúy P, ông Huỳnh Phúc T, ông Huỳnh Nhất L, bà Huỳnh Thị Ánh H, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Nguyễn Thị T và bà Huỳnh Thị Thu T. Các đồng thừa kế nêu trên có quyền liên hệ các cơ quan chức năng tiến hành đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở theo quy định.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 10-3-2014 ông Trương Tấn T có đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 106/2016/KN-DS ngày 01-12-2016, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 379/2013/DS-PT ngày 16-12-2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 1789/2012/DS-ST ngày 19-12-2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vợ chồng cụ Trương Văn TR (chết năm 1979) và cụ Huỳnh Thị N (chết năm 1939) có 01 con chung là bà Trương Thị T2 (chết năm 1967, chồng là ông Cao Văn T, chết năm 1989); bà T2 và ông T có 07 con chung là anh Cao Quang M, chị Cao Thị Thanh L, anh Cao Quang L, chị Cao Thị Thanh H, anh Cao Quang D, chị Cao Thị Thanh H1 và chị Cao Thị Thanh H. Sau khi cụ N chết (năm 1939) thì năm 1940 cụ TR kết hôn với cụ Trần Thị H và có 08 con chung là bà Trương Thị T, ông Trương Tấn T2 (chết năm 1968), ông Trương Tấn P, ông Trương Tấn T3 (chết năm 1998), ông Trương Tấn T1, ông Trương Tấn T4 (chết năm 1984) và ông Trương Tấn T5 (chết năm 2005).

[2] Theo Bằng khoán điền thổ số 355 lập ngày 23-5-1939 thì nhà đất số 245/20-22 (nay là số 245/20) Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là do cụ TR và cụ N tạo lập. Trước năm 1975, cụ TR cho cụ Huỳnh Văn N (chết năm 2000) là cha của ông Huỳnh Hữu H và ông Huỳnh Quốc D thuê căn nhà số 245/22 Bến CD, phường CG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1976, cụ TR và cụ cho cụ N thuê tiếp căn nhà liền kề số 245/20 Bến CD; sau đó, cụ N tháo dỡ bức tường ngăn của hai căn nhà thành một căn nhà và mang số 245/20 Bến CD.

[3] Năm 1977, Nhà nước có chính sách quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà đất ở các đô thị phía Nam thì ngày 02-8-1978 cụ TR, cụ H tự nguyện giao 02 căn nhà mà cụ N đang thuê cho Nhà nước quản lý. Tại Quyết định số 1054/QĐ-UB ngày 12-11-1980, Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giải tỏa việc quản lý nhà và giao lại chủ quyền cho thuê hai căn nhà cho cụ H quản lý và cho phép cụ H được tiếp tục cho thuê. Sau khi cụ N chết thì các con là ông H, ông D quản lý, sử dụng nhà đất thuê. Ông H, ông D cho rằng cụ H đã chuyển nhượng nhà đất số 245/20 Bến CD cho cụ N và xuất trình "Tờ nhượng nhà" lập ngày 14-12-1984 do ông P (con của cụ H) viết, nhưng ông P, ông T cho rằng cụ H chưa nhận tiền chuyển nhượng nhà đất của cụ N; nội dung Tờ nhượng nhà đã bị sửa chữa về giá chuyển nhượng và sửa chữa về kích thước của căn nhà. Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất số 245/20 Bến CD là sở hữu chung của các đồng thừa kế của cụ TR, cụ H và các thừa kế thế vị là các con của bà T2 là có cơ sở. Việc cụ H chuyển nhượng nhà đất cho cụ N không có sự đồng ý của các thừa kế của cụ T, cụ N nên vô hiệu.

[4] Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T và các thừa kế của cụ TR, cụ N; xác định Nhà nước giải tỏa quản lý nhà đất số 245/20 Bến CD và đã giao lại nhà đất cho cụ H, việc giao nhà đất là giao cho cá nhân cụ H; cụ H đã chuyển nhượng nhà đất cho cụ N. Từ đó, công nhận nhà đất cho các thừa kế của cụ N là không đúng.

[5] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng không xác định được giá chuyển nhượng, nên không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là không đúng. Tại Văn bản ngày 22-6-1995 các con cụ H là ông T1, ông T5 và ông T3 gửi Sở nhà đất Quận A, Phòng quản lý đô thị Quận A và Ban tư pháp phường CG thì ông T1, ông T5 và ông T3 thừa nhận năm 1979 cụ H mượn của cụ N 30.000 đồng và không có tiền trả, nên cụ N ép cụ H bán nhà để trừ nợ. Như vậy, nguyên đơn là ông T và các thừa kế khác phải có nghĩa vụ chứng minh về giá chuyển nhượng của nhà đất và chứng minh cụ H chưa nhận tiền bán nhà. Nếu không chứng minh được thì Tòa án có thể căn cứ vào giá chuyển nhượng là 30.000 đồng mà đương sự thừa nhận để xác định bên nhận chuyển nhượng nhà đã trả đủ tiền làm căn cứ giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và khoản 2 Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 106/2016/KN-DS ngày 01-12-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 379/2013/DS-PT ngày 16-12-2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự sơ thẩm số 1789/2012/DS-ST ngày 19-12-2012 của Tòa án nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án "Tranh chấp quyền sở hữu và đòi tài sản" giữa nguyên đơn là ông Trương Tấn T với bị đơn là ông Huỳnh Hữu H, ông Huỳnh Quốc D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện trưởng VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh (kèm hồ sơ vụ án);
- Vụ 9 VKSNDTC;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, Vụ GĐKT II (02 bản), Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN

Đã ký

Nguyễn Hòa Bình